

Trong 7 trang trại, có đến 6 tập trung ở huyện Thanh Liêm, còn 1 trang trại ở huyện Duy Tiên. Vốn đầu tư cho trang trại rất thấp, cao nhất là trang trại của ông Lê Hồng Ngọc ở xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên đạt 100 triệu đồng/năm. Kinh tế trang trại ở Hà Nam nhìn chung quy mô nhỏ bé, kém phát triển.

Việc xây dựng các vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh vẫn được duy trì, năm 2000, tỉnh tổ chức đưa 44 hộ dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở huyện Ma Đrăk tỉnh Đắk Lắk, an toàn và ổn định. Đồng thời đưa 38 thanh niên vào Binh đoàn 16 - Tây nguyên lập nghiệp. Di dân nội tỉnh được 132 hộ.

Phong trào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn được duy trì và phát triển, huy động các nguồn lực trong nhân dân xây dựng các công trình như đường giao thông, trường học, trạm y tế, mạng lưới điện, công trình nước sạch, phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Huyện Kim Bảng và Bình Lục vẫn giữ vững là đơn vị dẫn đầu tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tỉnh Hà Nam là tỉnh đi đầu trong việc thực hiện có hiệu quả cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, để xây dựng đường giao thông nông thôn.

Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão luôn được các cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm, có phương án chủ động trong mọi tình huống. Hàng năm tỉnh đều có kế hoạch đắp đê sông lớn và đê sông con, nạo vét kênh mương nội đồng, tu bổ kè cống ở những nơi xung yếu, xây dựng phương án phân

lũ, tổ chức diễn tập phương án cứu hộ, cứu nạn, khơi thông dòng chảy, thực hiện kiên cố hoá kênh mương các loại, sẵn sàng phục vụ chống úng, hạn. Do đó công tác tưới tiêu luôn đáp ứng được nhu cầu sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng, góp phần vào các vụ mùa bội thu.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm. Giá trị thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích canh tác chưa cao. Chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. Các mô hình liên kết kinh tế, kinh tế trang trại chưa phát triển. Giải quyết lao động dư thừa trong nông nghiệp, nông thôn còn chậm. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất còn thiếu, mức đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu.

Cùng với đầu tư phát triển nông nghiệp, Đảng bộ Hà Nam chú trọng phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Với thực tế sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ bé, sức cạnh tranh yếu, Đảng bộ chỉ đạo tập trung phát triển các ngành công nghiệp tỉnh có lợi thế như vật liệu xây dựng, công nghiệp dệt may, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Đồng thời chú ý phát triển kinh tế ngoài quốc doanh; tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển.

Được sự lãnh đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có tốc độ phát triển nhanh. Tháng 11-1998, dây chuyền I của Công ty xi măng Bút Sơn, công suất 1,4

triệu tấn/năm đi vào hoạt động, cùng với 4 nhà máy xi măng khác trên địa bàn tạo thành vùng sản xuất vật liệu xây dựng tập trung, có quy mô lớn. Công ty dệt Hà Nam và Công ty bia - nước giải khát Phủ Lý đều tăng mức đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất. Một số doanh nghiệp đã vươn lên khẳng định mình trong cơ chế mới, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Các ngành nghề, làng nghề được củng cố và mở rộng. Nghề mây, giang đan, thêu ren xuất khẩu ở các huyện Bình Lục, Duy Tiên, Thanh Liêm bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Năm 2000, một số cơ sở sản xuất công nghiệp như dây chuyền Công ty may Thăng Long, Xí nghiệp may xuất khẩu du lịch Hà Nam, giai đoạn I Khu công nghiệp Đồng Văn được khởi công xây dựng.

Kết quả sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp từ năm 1998 đến năm 2000 phát triển khá. Giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp liên tục tăng: năm 1998 đạt 406,628 tỷ đồng; năm 1999 là 817 tỷ đồng; năm 2000 đạt 1.120 tỷ đồng. Giá trị sản xuất trên địa bàn bình quân 3 năm (1998-2000) tăng 45,9%, vượt chỉ tiêu Đại hội 16,9%; trong đó có sự tham gia đóng góp quan trọng của Công ty xi măng Bút Sơn. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong tổng sản phẩm (GDP) đạt 28,5%, vượt chỉ tiêu Đại hội 1,5%. Những sản phẩm tăng khá là xi măng, khai thác đá, quần áo may sẵn, bia - nước giải khát.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ *Về sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước*, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo đổi

mới doanh nghiệp tỉnh, duyệt phương án tổng thể tổ chức sắp xếp, giải thể và chuyển đổi hình thức sở hữu các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp khẩn trương thực hiện chỉ đạo của tỉnh. Tính đến hết năm 1998, toàn tỉnh có 59 doanh nghiệp Nhà nước do tỉnh quản lý xây dựng được đề án sắp xếp, đổi mới, thực hiện cổ phần hoá và chuyển đổi quyền sở hữu. Đến năm 1999, tiến hành cổ phần hoá được 3 doanh nghiệp, sáp nhập 4 doanh nghiệp, thành lập 23 công ty trách nhiệm hữu hạn, 10 hợp tác xã tín dụng hoạt động theo Luật Hợp tác xã, giải thể 6 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thua lỗ.

Thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) *Về phát triển kinh tế Hợp tác xã trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế* và Nghị định 16/CP của Chính phủ *Về chuyển đổi, đăng ký Hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp các Hợp tác xã*; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 26-4-2000 *Về việc thực hiện chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý các Hợp tác xã phi nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã*. Chỉ thị yêu cầu các huyện, thị, các ngành chức năng tiến hành điều tra, đánh giá đúng thực trạng, phân loại các hợp tác xã phi nông nghiệp để xây dựng kế hoạch chuyển đổi các hợp tác xã phi nông nghiệp theo Luật, thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện. Thực hiện chuyển đổi theo các phương án cụ thể là: Những hợp tác xã có khả năng phát triển, tiến hành chuyển đổi, đổi mới công tác quản lý để phát huy vai trò kinh tế hợp tác xã trong cơ chế mới; những hợp tác xã bị thua lỗ, không còn khả năng sản xuất, kinh doanh cho giải thể, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc thành

lập hợp tác xã mới theo Luật Hợp tác xã nếu xã viên có nhu cầu; khuyến khích các hợp tác xã chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp. Đến hết năm 2000, các hợp tác xã phi nông nghiệp cơ bản chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã, đi vào sản xuất ổn định.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh còn một số hạn chế. Ngoài Công ty xi măng Bút Sơn, hầu hết các doanh nghiệp quy mô còn nhỏ bé. Chưa thu hút được đầu tư bên ngoài để tạo ra bước đột phá trong phát triển kinh tế. Một số đơn vị chậm đổi mới thiết bị, công nghệ và năng lực quản lý, sản phẩm chưa có sức cạnh tranh, hiệu quả kinh tế thấp. Nhiều doanh nghiệp Nhà nước thua lỗ kéo dài, chưa có hướng khắc phục. Quá trình sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp thực hiện còn chậm và lúng túng. Tiểu thủ công nghiệp còn manh mún, các làng nghề truyền thống chưa phát triển mạnh, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Sau khi tách tỉnh, nhu cầu xây dựng trụ sở làm việc, xây dựng kết cấu hạ tầng tăng cao. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tăng cường chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng tập trung dứt điểm, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trong 3 năm (1998-2000), tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tăng nhanh, bình quân hàng năm đạt 860,3 tỷ đồng. Các xã, thị trấn trong tỉnh đã tiếp nhận trên 3 triệu USD của các tổ chức quốc tế từ các dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo.

Các ngành chức năng đã sớm xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, 2020. Thị xã Phủ Lý - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của tỉnh được quy hoạch tổng thể, tiếp nhận thêm 4 xã là Phù Vân, Châu Sơn,

huyện Kim Bảng; Lam Hạ, huyện Duy Tiên; Liêm Chung, huyện Thanh Liêm, theo Nghị định 53/CP-2000, ngày 25-9-2000 của Chính phủ Về điều chỉnh, mở rộng thị xã Phủ Lý⁽¹⁾. Xây dựng xong nhiều trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh và giải quyết nhanh chóng đất làm nhà ở cho gia đình cán bộ, công chức. Năm 1998, nhiều hạng mục đầu tư hoàn thành và đi vào sử dụng: Trạm bơm Đình Xá, Triệu Xá; nhiều trường học cao tầng và trạm xá kiên cố, 586 km đường giao thông các loại, trụ sở làm việc của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Địa chính, Thị uỷ - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân thị xã Phủ Lý... Đồng thời, nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được khởi công xây dựng.

Phong trào làm đường giao thông nông thôn tiếp tục được duy trì. Tỉnh đã sớm thực hiện cơ chế kích cầu, đầu tư bằng xi măng để làm đường giao thông nông thôn và kiên cố hoá kênh mương. Phong trào nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn tiếp tục đạt những thành tích nổi bật, tổng số vốn huy động trong dân làm đường giao thông đạt 263,2 tỷ đồng; đã sửa chữa nâng cấp, xây dựng 2.612 km đường giao thông nông thôn, trong đó đường nhựa 126,6 km, đường bê tông 583,6 km. Đảm bảo tiêu chí đường làng, ngõ xóm làm kiên cố, xe con và xe công nông lưu thông thuận tiện. Kiên cố hoá 150 km kênh mương và xây dựng mới nhiều trạm bơm phục vụ sản xuất.

Từ khi có Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 24-9-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, công tác quy hoạch, đầu tư xây

(1). Ngày 30-10-2000, Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ bàn giao quản lý hành chính 4 xã trên về thị xã Phủ Lý.

dựng và phát triển đô thị có chuyển biến tích cực trong khâu quản lý, hạn chế lãng phí, thất thoát, tiêu cực; các công trình xây dựng được chú trọng chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ thi công nhanh.

Mạng lưới thông tin liên lạc từng bước được hiện đại hoá cùng với sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông. Thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt, phục vụ kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, chính quyền các cấp và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Trong 3 năm (1998-2000), ngành Bưu điện Hà Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngành đã đầu tư xây dựng 567 dự án, đưa tổng số tài sản lên 119 tỷ đồng, tăng 18,8 lần so với năm 1997, doanh thu 25,5 tỷ đồng, nộp ngân sách 2,5 tỷ. Mạng lưới bưu chính viễn thông được phát triển: đến năm 2000, so với năm 1997 toàn tỉnh có 39 bưu cục, tăng 1,25 lần; 13 cụm tổng đài dung lượng 16.000 số, tăng hơn 3,47 lần; 10.768 máy điện thoại, bình quân 1,3 máy/100 người dân. 98 điểm bưu điện văn hoá xã được đưa vào khai thác, với hàng trăm đầu sách báo các loại, phục vụ nhu cầu đọc tìm hiểu thông tin của nhân dân.

Ngành điện lực đã đầu tư 26 tỷ đồng để xây dựng, nâng cấp lưới điện và thiết bị, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Năm 2000, điện phục vụ sản xuất và tiêu dùng đạt 242 triệu kw/h, tăng 2% so với kế hoạch, tỷ lệ tổn thất điện năng giảm 0,5%; 97% dân số được sử dụng điện.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản, còn có công trình hiệu quả chưa cao. Một số công trình xây dựng chưa đảm bảo

chất lượng, mỹ thuật. Giao thông nông thôn phát triển nhanh, nhưng không đồng đều, một số tuyến đường chất lượng chưa đảm bảo, xuống cấp nhanh, công tác quản lý, quy hoạch xây dựng chưa đồng bộ, chưa có biện pháp tích cực, kịp thời, kiên quyết ngăn chặn, xử lý các vi phạm trong xây dựng, vi phạm hành lang an toàn giao thông và đê, bổi.

Hoạt động tài chính có chuyển biến tích cực, số thu năm sau cao hơn năm trước. Thu từ kinh tế trên địa bàn năm 2000 thực hiện 151 tỷ đồng, tăng 2 lần so với năm 1997. Cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, thu ngân sách cơ bản đáp ứng nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đột xuất và tăng nhanh vốn đầu tư phát triển. Công tác quản lý và điều hành ngân sách có nhiều cố gắng. Đặc biệt là quản lý ngân sách xã qua Kho bạc Nhà nước, từng bước ổn định theo quy định của Luật Ngân sách.

Hệ thống kho bạc, ngân hàng, tín dụng được củng cố và mở rộng hoạt động. Quỹ tín dụng nhân dân được chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã, bước đầu phát huy hiệu quả. Vốn huy động hàng năm tăng, năm 2000 đạt 500 tỷ đồng, gấp 2,18 lần năm 1997. Đầu tư tín dụng ngày càng phát triển, bình quân hàng năm tăng 30,9%, đáp ứng nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần xoá đói, giảm nghèo.

Hạn chế của hoạt động tài chính là các nguồn thu trên địa bàn nói chung không lớn; chưa tự cân đối được thu chi, Trung ương phải hỗ trợ từ 40-60% chi ngân sách hàng năm.

Mạng lưới thương mại, dịch vụ từng bước được củng cố và mở rộng; hàng hoá phong phú, giá cả ổn định. Tổng mức hàng hoá bán lẻ và dịch vụ tăng từ 210 tỷ đồng năm 1998 lên 1.400 tỷ đồng năm 2000, trong đó thương nghiệp quốc doanh giảm từ 23,8% năm 1998 xuống còn 21% năm 2000 so với tổng mức. Công tác quản lý thị trường có tiến bộ. Giá trị xuất khẩu hàng năm tăng nhanh, từ 7,39 triệu USD năm 1997 lên 20 triệu USD năm 2000, tăng gấp 2,7 lần, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Điểm yếu của hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất khẩu là chưa gắn chặt với sản xuất và chậm mở ra ở những thị trường mới. Hàng hoá xuất khẩu chưa ổn định, chưa khai thác tốt nguồn hàng địa phương; giá trị xuất khẩu bình quân đầu người mới đạt 25 USD/năm. Hoạt động du lịch mới dừng lại ở khâu khảo sát, quy hoạch. Năm 1998, tiến hành lập dự án khu du lịch Ngũ Động Sơn, thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng bộ Hà Nam không ngừng chăm lo sự nghiệp văn hóa, xã hội.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) Về định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển sự nghiệp giáo dục. Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp chặt chẽ, thực hiện tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục, vận động toàn dân chăm lo cho giáo dục, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học, mở rộng các loại hình đào tạo, chú trọng hệ

thống trường chuyên, lớp chọn, thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong 3 năm (1998-2000), thực hiện chủ trương của tỉnh, ngành giáo dục có chuyển biến về quy mô và chất lượng đào tạo. Phong trào thi đua “hai tốt” được duy trì với nhiều nội dung và hình thức phong phú như tổ chức hội thảo, hội giảng, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kết hợp chặt chẽ giáo dục trong nhà trường với gia đình và ngoài xã hội.

Quy mô trường lớp được mở rộng, chất lượng dạy và học được nâng lên. Bước vào năm học 2000 - 2001, toàn tỉnh có 118 trường Mầm non, 135 trường Tiểu học, 120 trường Trung học cơ sở, 21 trường Trung học phổ thông (trong đó có 4 trường dân lập). Ngoài ra còn có 1 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 5 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, 1 Trung tâm kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp dạy nghề của tỉnh, 1 trường Cao đẳng sư phạm. Toàn ngành có 7.500 cán bộ, giáo viên. Về cơ sở vật chất đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế phục vụ cho giảng dạy và học tập. Toàn tỉnh đã khánh thành và đưa vào sử dụng thêm 7 trường học cao tầng.

Chất lượng giáo dục toàn diện được coi trọng. Số học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia năm sau cao hơn năm trước. Nhiều em đã giành được giải cao, điển hình như em Nguyễn Hữu Quang, huyện Kim Bảng đạt giải nhất thi Toán quốc gia năm 1997; em Nguyễn Ngọc Thạch (trường chuyên Hà

Nam) đạt giải ba Tin học trẻ không chuyên toàn quốc lần thứ IV năm 1998. Năm 2000, tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 100% số xã, phường, thị trấn hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Kết thúc năm học 1999-2000, 13 trường tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Năm học 1999-2000, trường Trung học cơ sở Bắc Lý được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động lần 2 (danh hiệu Anh hùng trong thời kỳ đổi mới). Ngày 31-8-2000, nhà trường đã tổ chức long trọng lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động và khai giảng năm học 2000-2001. Trong dịp này nhà trường đã được đón Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm về thăm và kiểm tra công tác chuẩn bị cho năm học mới.

Tuy nhiên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống cho học sinh ở một số trường chưa được quan tâm đúng mức. Giáo dục hướng nghiệp dạy nghề chậm đổi mới, chưa gắn với lao động, sản xuất của địa phương. Công tác chỉ đạo, quản lý giáo dục có mặt còn buông lỏng. Việc thu tiền đóng góp, dạy thêm, học thêm, coi thi, chấm thi ở một số trường còn để xảy ra những vi phạm nội quy, quy chế.

Công tác khoa học, công nghệ được quan tâm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000. Trong 3 năm (1998-2000), toàn tỉnh đã triển khai nghiên cứu ứng dụng 52 dự án, đề tài khoa học công nghệ. Việc ứng dụng

các tiến bộ kỹ thuật công nghệ được đẩy mạnh, nhất là trong sản xuất nông nghiệp, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Công tác quản lý nhà nước về môi trường, đo lường, chất lượng được tăng cường.

Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, dân số - kế hoạch hoá gia đình luôn được Đảng bộ quan tâm. Các chương trình y tế quốc gia và chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân được triển khai có hiệu quả. Hệ thống tổ chức y tế được kiện toàn. Đã có 63% số xã, phường, thị trấn có bác sĩ, đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được trang bị hiện đại. Đã đầu tư xây dựng và cung cấp trang thiết bị, dụng cụ y tế cho trên 80% số trạm y tế cơ sở. Chất lượng khám chữa bệnh và phục vụ người bệnh của các cơ sở y tế và đội ngũ thầy thuốc có nhiều tiến bộ. Công tác quản lý, điều trị bệnh xã hội và phòng bệnh triển khai tốt hơn, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Năm 2000, tỉnh được Bộ Y tế công nhận thanh toán bệnh phong đạt loại xuất sắc. Tỷ lệ tiêm chủng hàng năm đạt 98%, thực hiện thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván ở trẻ sơ sinh. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 39% năm 1997, xuống còn 32% năm 2000. Đảm bảo cung ứng thuốc chữa bệnh cho nhân dân đến 100% xã, phường, thị trấn. Tuy vậy, công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý thuốc tân dược còn yếu.

Tỷ lệ sinh hàng năm giảm 0,63%, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1,36%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Công tác chính sách xã hội, người có công được cấp ưu Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, nhất là trong giải



Trường Tiểu học xã Hưng Công, huyện Bình Lục - Đơn vị đạt chuẩn Quốc gia đầu tiên của tỉnh, năm học 1998-1999

quyết chế độ đối tượng chính sách theo Pháp lệnh Người có công, phong trào đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người già cô đơn, nạn nhân chất độc da cam... Các chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, giúp đỡ người tàn tật, người cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được triển khai có hiệu quả. Năm 1999 đã có 150 dự án với 71 tỷ đồng, tạo vốn vay, giải quyết việc làm cho 85.000 lao động. Ngân hàng nông nghiệp và ngân hàng người nghèo đã cho 34.000 hộ nghèo vay vốn tạo thêm hàng chục ngàn việc làm mới, góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo. Tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm từ 15,4% năm 1997, xuống còn dưới 10% năm 2000, cơ bản không còn hộ đói, tỷ lệ hộ giàu tăng, đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Đến năm 2000, toàn tỉnh thực hiện ngói hoá nhà tranh cho 100% các gia đình chính sách, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách và người nghèo.

Các hoạt động văn hoá, thông tin được đẩy mạnh ở cả 3 cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Báo Hà Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung hình thức tuyên truyền, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; cổ vũ những điển hình tiên tiến, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hoá, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII).

Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, đặc biệt là xây dựng nếp sống văn hoá trở thành phong trào sâu rộng thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Hoạt động văn hoá, văn nghệ trong tỉnh có bước phát triển. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 39 nhà văn hoá, 14 thư viện, 154 đội văn nghệ quần chúng, 89 đội thông tin lưu động.

Hoạt động thể dục thể thao được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng, việc rèn luyện sức khoẻ, tăng cường về thể chất ngày càng phát triển, thu hút nhiều lứa tuổi tự giác tham gia. Nhiều xã, phường có phong trào tốt, tổ chức nhiều giải thể thao quần chúng, góp phần tăng cường rèn luyện, nâng cao sức khoẻ cho nhân dân. Xã Châu Giang, huyện Duy Tiên là điểm sáng của tỉnh về phong trào thể thao quần chúng, 20% dân số tham gia các hoạt động thể thao. Công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao cũng được quan tâm, năm 2000 đã đào tạo được 80 vận động viên thể thao mũi nhọn thế mạnh của tỉnh như vật, điền kinh, bơi lội, cờ vua... tham gia thi đấu toàn quốc và khu vực Đông Nam Á đạt 82 huy chương các loại, trong đó có 2 huy chương vàng.

Tuy nhiên, trong 3 năm (1998-2000), phong trào văn hoá, thể dục thể thao quần chúng chưa đồng đều. Các hoạt động báo chí chưa đi sâu phê phán, đấu tranh chống các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, xa rời quần chúng. Việc đầu tư chiều sâu cho văn hoá, báo chí còn hạn chế. Nhiều xã, thôn, xóm, khu dân cư chưa có đất cho hoạt động thể thao, thiếu các thiết chế văn hoá. Các

môn thể thao mũi nhọn, thể thao truyền thống chưa phát triển mạnh.

Thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12-01-1998 của Bộ Chính trị về việc *Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội*, nhằm làm cho những sinh hoạt văn hóa trở nên lành mạnh, kế thừa có chọn lọc những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 12-9-1998 về *Thực hiện nếp sống văn hoá, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội và bài trừ mê tín dị đoan*.

Chỉ thị chỉ rõ: lễ cưới phải tổ chức gọn nhẹ, vui tươi lành mạnh, chỉ nên tổ chức ăn uống trong nội bộ gia đình và họ hàng; những người thân quen thì áp dụng hình thức báo hỷ. Lễ tang phải thực hiện các quy định như vệ sinh phòng dịch, mai táng, bảo đảm trật tự nơi công cộng, loại bỏ những tập quán hủ tục lạc hậu. Cần hạn chế số lượng vòng hoa, bức trướng. Lễ hội phải tuân thủ theo đúng quy chế lễ hội, không kéo dài ngày, chống hành vi lợi dụng lễ hội để kinh doanh, hành nghề mê tín dị đoan, cờ bạc, xâm phạm di tích văn hoá, gây rối trật tự trị an. Mở cuộc vận động sâu rộng trong nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá. Chỉ đạo xây dựng các quy chế về việc cưới, việc tang, lễ hội.

Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ song song với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở

khu dân cư”. Cuộc vận động đã được triển khai từ tháng 7-1995, với các nội dung: Vận động giúp nhau giống, vốn phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo; giúp người tàn tật, neo đơn, gia đình thương binh, liệt sĩ, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; phát huy dân chủ, sống và làm việc theo pháp luật, xây dựng đời sống văn hoá mới giữ vững thuần phong mỹ tục và bảo vệ môi trường.

Cùng với cuộc vận động, các chỉ thị của Trung ương và của tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh đã thực sự đi vào cuộc sống, huy động mọi nguồn lực trong nhân dân và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở tham gia vào các phong trào như người tốt, việc tốt; uống nước nhớ nguồn; đền ơn đáp nghĩa; xoá đói giảm nghèo; xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu phố văn minh. Quy tụ được các phong trào thi đua yêu nước vào mục tiêu lớn là xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn trong từng gia đình, ở từng khu dân cư. Kết quả đạt được rất tích cực, góp phần cải thiện môi trường văn hoá, giáo dục, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, mại dâm ở nhiều khu dân cư giảm hẳn. Các sản phẩm văn hoá đồi trụy được ngăn chặn. Nếp sống văn minh trong cộng đồng đã bước đầu được hình thành ở nhiều xã, phường, thị trấn. Điển hình là các xã: Đông Hoá, Nhật Tân, Ngọc Sơn, Ba Sao, huyện Kim Bảng; An Nội, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục; Thanh Nguyên, Thanh Hà, huyện Thanh Liêm; Châu Giang, huyện Duy Tiên; Bắc Lý, huyện Lý Nhân; phường Lương Khánh Thiện, thị xã Phủ Lý.

Bộ mặt nông thôn Hà Nam có nhiều khởi sắc. Các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, Duy Tiên, thị xã Phủ Lý đã xóa xong hộ đói. Hàng nghìn nhà tranh được thay thế trị giá hàng tỷ đồng. Huyện Kim Bảng là huyện đi đầu trong phong trào xóa nhà tranh, trên 90% số gia đình của huyện được dùng nước sạch, đường giao thông nông thôn được sửa chữa, nâng cấp và rải vật liệu cứng. Nhiều đơn vị trong cả nước đã đến học tập mô hình của Kim Bảng.

Ngày 11-9-1998, Tỉnh uỷ đã mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để quán triệt nội dung và triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá VIII) Về *xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Sau khi học Nghị quyết, các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), phong trào xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong toàn tỉnh đã thu được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Việc học tập, quán triệt và tuyên truyền phổ biến Nghị quyết được tiến hành chặt chẽ từ tỉnh đến cơ sở, qua đó giúp cho các cấp, các ngành, các tổ chức và nhân dân nhận thức được vai trò quan trọng của văn hoá đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Từ nhận thức đúng đắn, toàn tỉnh dấy lên phong trào xây dựng làng văn hoá, cơ quan văn hoá, gia đình văn hoá. Toàn tỉnh có hơn 400 làng xây dựng xong hương ước, 754 làng (chiếm 80% số làng) đăng ký xây dựng làng văn hoá,

trong đó 29 làng đã được công nhận làng văn hoá, 58% số gia đình được công nhận gia đình văn hoá. Điển hình về xây dựng làng văn hoá là làng Đông Ngoại, xã Châu Giang, huyện Duy Tiên. Ở đây có thư viện, nhà hát ngoài trời, hội trường, sân chơi thể thao. Đường làng, ngõ xóm phong quang, được rải bê tông kiên cố. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, không có hộ đói nghèo, không có người mù chữ.

Hoạt động văn hoá, nghệ thuật phát triển nhanh. Đoàn nghệ thuật chèo của tỉnh đã dựng được nhiều vở mới; các hội diễn văn nghệ, hội thi thiếu niên kể chuyện sách báo, các buổi nói chuyện chuyên đề, hội thi thông tin, hội chợ kinh tế, trưng bày tranh mỹ thuật, ảnh nghệ thuật thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Đặc biệt là các câu lạc bộ dân ca, chèo, phát triển mạnh mẽ. Toàn tỉnh có 200 câu lạc bộ dân ca, chèo, dựng nhiều chương trình, góp phần nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân.

Công tác bảo tồn, phát huy vốn văn hoá truyền thống được chú trọng. Đã tiến hành trùng tu, chống xuống cấp 12 di tích. Quần thể di tích chùa Long Đọi Sơn đã được cấm mốc khoanh vùng. Tỉnh tiến hành nghiên cứu sưu tầm 2 đề tài: Lễ hội hát dặm Quyển Sơn⁽¹⁾ và dân ca Lả Lê⁽²⁾; biên soạn và xuất bản 2 cuốn sách về hát dặm và danh sĩ Hà Nam qua các văn bia, câu đối.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực văn hoá - xã hội vẫn còn những hạn chế, đòi hỏi Đảng bộ phải có những giải pháp

(1). Nay thuộc xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng.

(2). Hay còn gọi là Lả Lèn xuất hiện từ thời Triệu Quang Phục và phổ biến ở vùng Bắc Lý. Đúc Lý..., huyện Lý Nhân.

kip thời. Giải quyết việc làm kết quả còn thấp, tệ nạn xã hội, nhất là ma tuý không giảm; những tiêu cực trong ngành giáo dục, khám chữa bệnh đang là mối lo của nhân dân, nhất là các gia đình chính sách và người nghèo; công tác quản lý của Nhà nước về thực hiện các chính sách xã hội ở một số cơ sở chưa chặt chẽ, còn xảy ra trường hợp làm sai chế độ, quy định của Nhà nước. Một số đơn vị sản xuất kinh doanh chưa thực hiện tốt chế độ chính sách như đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trang bị bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động cho người lao động.

Từ năm (1998-2000), Đảng bộ đã làm tốt công tác quốc phòng, an ninh và công tác nội chính. Các cấp uỷ đảng thường xuyên quán triệt sâu sắc và có nhiều biện pháp tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh. Công tác quản lý nhà nước cũng như nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về công tác quốc phòng, an ninh được nâng cao. Các ngành trong khối đã phối hợp chặt chẽ hoạt động để đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng phương án bảo vệ an ninh quốc gia, chống “diễn biến hoà bình”; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong Đảng và nhân dân về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tiến bộ.

Nhiều hoạt động nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, tinh thần chủ động tiến công chống âm mưu

“diễn biến hoà bình” bảo vệ an ninh quốc phòng được Đảng bộ quan tâm tổ chức. Điển hình là cuộc diễn tập “HN-99”, Đại hội thi đua quyết thắng, kỷ niệm ngày quốc phòng toàn dân (22/12)...

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 05-5-1999 *Về việc lãnh đạo, tổ chức cuộc diễn tập bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và an ninh chính trị*, mang mật danh “HN-99”. Cuộc diễn tập được tổ chức trong 2 ngày 14 và 15-10-1999, huy động 1.164 cán bộ, chiến sĩ 2 cấp tham gia, trong đó lực lượng diễn tập vận hành cơ chế là 407 đồng chí, lực lượng thực binh 757 đồng chí, sử dụng thuốc nổ và đạn các loại. Trong diễn tập vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh được thể hiện xuyên suốt thông qua hệ thống các chủ trương, nghị quyết, quyết định những vấn đề quan trọng trong xử lý tình huống như dẹp bạo loạn, chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, đánh địch đổ bộ đường không.

Trong diễn tập thực binh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh đã thể hiện trình độ kỹ thuật, chiến thuật thuần thực. Bảo đảm diễn tập nghiêm túc, bí mật, an toàn, sát thực tế chiến đấu và tình hình địa phương. Cuộc diễn tập đạt kết quả cao, được Bộ Tư lệnh Quân khu 3 đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu, sẵn sàng đánh bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Tháng 11-1999, Đại hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang tỉnh được tổ chức. Đại hội đánh giá kết quả phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang tỉnh trong



*Thực hành huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị Thiết giáp - Bộ
Chỉ huy Quân sự tỉnh, năm 1999*

5 năm (1994-1999). Đại hội đã khẳng định : Trong 5 năm (1994 - 1999) lực lượng vũ trang tỉnh đã phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trên quê hương Hà Nam, đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng và đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Hằng năm, các đơn vị cấp huyện, thị đều đạt tiêu chuẩn đơn vị khá; 20% đơn vị cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 265 lượt đơn vị đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

Năm 1999, các hoạt động kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1999); 10 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân, diễn ra sôi nổi, hình thức phong phú như thông tin thời sự, nói chuyện truyền thống, xây dựng chuyên mục trên sóng phát thanh, truyền hình, chuyên trang trên báo Hà Nam. Các hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao chào mừng rất sôi nổi. Đặc biệt là giao lưu văn hoá - văn nghệ giữa học sinh, sinh viên với lực lượng vũ trang gây ấn tượng sâu sắc về tình quân dân. Các trường học thực hiện tuần lễ giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tổ chức mít tinh trọng thể; tu sửa, viếng nghĩa trang liệt sĩ; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Các hoạt động kỷ niệm đã góp phần khơi dậy truyền thống, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, gắn liền với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương, cơ sở mang lại hiệu quả thiết thực, có ý nghĩa chính trị sâu sắc.

Công tác tuyển quân luôn hoàn thành xuất sắc; giao quân đủ số lượng, đạt yêu cầu chất lượng, thời gian, đúng

luật định. Trong 4 năm (1997-2000), toàn tỉnh đã tiễn đưa 7.043 thanh niên lên đường nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự. Tổ chức huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ hoàn thành đạt chất lượng cao. củng cố và xây dựng lực lượng đạt kết quả tốt, cả ba lực lượng: bộ đội thường trực, dự bị động viên và dân quân, tự vệ có bước trưởng thành, chất lượng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu.

Hoạt động của các ngành trong khối nội chính từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường, chủ động tham mưu, phối hợp giải quyết có hiệu quả nhiều vụ việc xảy ra ở địa phương; tích cực đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, trấn áp các loại tội phạm, giải quyết kịp thời các vụ án hình sự và tranh chấp trong nhân dân. Việc điều hành, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, mại dâm được tăng cường.

Lực lượng công an xã, thị trấn được tổ chức, hoạt động theo Nghị định 40/1999/CP của Chính phủ, chất lượng được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo ổn định, không xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng, đạt hiệu quả thiết thực.

Công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân nhìn chung được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đã giải quyết có kết quả nhiều vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, vượt cấp, không để xảy ra các vụ việc phức tạp mới. Trong

3 năm (1998-2000), số đơn thư khiếu tố hàng năm giảm bình quân 10%; có 85% số đơn, thư của công dân và nhiều vụ khiếu kiện phức tạp ở cơ sở kéo dài, tồn đọng nhiều năm trước đã được giải quyết, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo thuận lợi cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, vẫn còn một số cấp uỷ Đảng, chính quyền nhất là cấp cơ sở chưa làm tốt việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức quốc phòng, an ninh cho nhân dân. Một số nơi chưa chủ động giải quyết kịp thời dứt điểm đơn, thư khiếu tố, trong khi một số quần chúng do thiếu hiểu biết, lợi dụng dân chủ, cố tình khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Ở một số địa bàn, tình hình an ninh trật tự, tội phạm và các tệ nạn xã hội còn phức tạp; có biểu hiện tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, chiến sĩ các cơ quan bảo vệ pháp luật. Công tác thi hành án dân sự hiệu quả còn thấp, một số vụ án chưa được giải quyết kịp thời.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể được chú trọng. Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém, tập trung giải quyết những vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn quy hoạch cán bộ. Cụ thể hoá tiêu chuẩn theo từng loại hình chi bộ, đảng bộ cơ sở để cấp uỷ, đảng viên quán triệt và đăng ký phấn đấu.

Trong 2 năm (1999-2000), Đảng bộ xác định trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là tổ chức triển khai thực

hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) *Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*. Đây là Nghị quyết quan trọng gắn liền với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhằm xây dựng Đảng mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện Nghị quyết phải đảm bảo phương châm đoàn kết, tự phê bình và phê bình có hiệu quả, thấu tình đạt lý, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tạo niềm tin trong nhân dân với Đảng. Trong đó đặc biệt chú trọng đến việc sửa chữa khuyết điểm, tăng cường đoàn kết, thống nhất, tạo ra những chuyển biến tích cực, cụ thể, thiết thực trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Coi việc sửa chữa khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình là mấu chốt để đánh dấu sự chuyển biến. Trong tháng 3-1999, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tổ chức thông báo nhanh Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) đến cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện, thị, đội ngũ báo cáo viên của tỉnh; chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch học tập, tổ chức thực hiện Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tính đến hết tháng 8-1999, các huyện, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc tỉnh đã hoàn thành việc tổ chức học tập, nghiên cứu Nghị quyết đến cán bộ chủ chốt và toàn thể đảng viên ở cơ sở. Sau đó, toàn Đảng bộ triển khai tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên.

Tháng 10 năm 1999, tập thể và cá nhân các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tiến hành kiểm điểm. Với tinh thần dân chủ, trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Trung ương và trân trọng lắng nghe ý

kiến đóng góp, phê bình của cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tự phê bình và phê bình thẳng thắn, trung thực với tinh thần cầu thị, có tính chiến đấu cao: Đánh giá đúng ưu điểm, chỉ rõ những khuyết điểm cụ thể, làm rõ nguyên nhân trách nhiệm của tập thể và cá nhân, rút ra bài học và đề ra phương hướng khắc phục sửa chữa khuyết điểm.

Đến ngày 31-5-2000, toàn Đảng bộ tỉnh đã cơ bản tiến hành xong việc tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình đến đảng viên. Các đơn vị kiểm điểm tự phê bình và phê bình đều thể hiện tính nghiêm túc, thẳng thắn, dân chủ, cầu thị, trách nhiệm, đảm bảo quy trình, đạt yêu cầu đề ra. Không có biểu hiện lợi dụng dân chủ, phê bình để vu khống, bôi nhọ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ.

Sau 2 năm (1999-2000), thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và tiến hành đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng, cơ bản đảng viên trong toàn Đảng bộ đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên thấy rõ trách nhiệm, phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành có nhiều tiến bộ, đã khắc phục một bước quan trọng bệnh quan liêu, xa rời quần chúng. Kết quả nổi bật của cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã góp

phân củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong 3 năm (1998-2000) đã có chuyển biến rõ nét.

Trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, các cấp uỷ Đảng luôn coi trọng việc quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, phát huy truyền thống cách mạng của Đảng bộ, của quê hương để nâng cao nhận thức trách nhiệm, rèn luyện đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Nhiều cán bộ, đảng viên đã có tiến bộ rõ rệt trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, gương mẫu trong việc thực hiện nếp sống văn hoá; tiết kiệm trong việc mua sắm, sử dụng trang bị, phương tiện của cơ quan; khắc phục có hiệu quả những thiếu sót, khuyết điểm của cá nhân và tập thể, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Thực tế cho thấy, càng thực hiện tốt dân chủ trong nội bộ đảng thì càng giữ vững được kỷ cương, kỷ luật và sự đoàn kết nhất trí, càng nâng cao sức mạnh và hiệu lực trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công việc.

Trong 3 năm (1998-2000), đã bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho gần 39.000 lượt cán bộ, đảng viên, tuyên truyền viên, duy trì theo quy chế của cấp uỷ. Đội ngũ báo cáo viên hoạt động tích cực, góp phần tuyên truyền, phổ biến kịp thời tình hình thời sự và các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Bản tin *Thông báo nội bộ* từng

bước được nâng cao chất lượng, số lượng phát hành hàng tháng tăng từ 2.200 cuốn năm 1997, lên 2.650 cuốn năm 2000, phục vụ sinh hoạt chi bộ hàng tháng, kịp thời đưa thông tin định hướng đến đảng viên. Hoàn thành biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Nam* giai đoạn (1927-1975), góp phần giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng bộ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh nâng cao chất lượng phát sóng; năm 1998, Báo Hà Nam tăng số lượng phát hành từ 1 kỳ lên 2 kỳ 1 tuần, kịp thời thông tin đến cán bộ và nhân dân trong tỉnh chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và các hoạt động của Đảng bộ. Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, 5, 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII); các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được triển khai học tập đạt kết quả tốt. Do làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nên đại đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, không có biểu hiện hoài nghi, mơ hồ về chính trị, không có tư tưởng đa nguyên, đa đảng.

Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác tổ chức, cán bộ, Tỉnh uỷ rất coi trọng củng cố, kiện toàn bộ máy cán bộ lãnh đạo của hệ thống chính trị. Tỉnh uỷ đã lãnh đạo khẩn trương thành lập 33 Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn; thực hiện nghiêm túc việc tinh giảm bộ máy các cơ quan Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Năm 2000, giải thể 3 ban của Tỉnh uỷ và chuyển giao chức năng nhiệm vụ, điều động sắp xếp cán bộ về các ban, ngành, đoàn thể có liên quan đảm bảo hoạt động

tốt không để xảy ra xáo trộn. Tỉnh ủy đề bạt luân chuyển 183 lượt cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý, đảm bảo nguyên tắc, quy trình, coi trọng chất lượng, tiêu chuẩn, khắc phục tình trạng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cục bộ địa phương, phòng ngừa chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ.

Các cấp uỷ đã quan tâm hơn đến công tác quy hoạch cán bộ, gắn với công tác rà soát chính trị nội bộ. Làm tốt công tác nhân sự bầu Hội đồng nhân dân các cấp tháng 11-1999 và công tác nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII). Đến năm 2000, tình hình cán bộ và bộ máy đã được kiện toàn, một bộ phận cán bộ trưởng thành, tiến bộ tương đối nhanh. Cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công tác được nâng lên. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng yếu kém, sau khi kiện toàn, xử lý những cán bộ vi phạm, đã vươn lên khá. Đến năm 2000, hầu hết tổ chức đảng cấp trên cơ sở và 90% số tổ chức đảng cơ sở đã xây dựng, bổ sung quy chế làm việc, đảm bảo đúng nguyên tắc và Điều lệ Đảng.

Công tác kết nạp đảng viên mới được quan tâm, từ năm 1997 đến năm 2000, toàn Đảng bộ mở gần 100 lớp cho 6.500 quần chúng ưu tú học tập, tìm hiểu về Đảng. Đã kết nạp được trên 3.000 đảng viên; trong đó 47% là đoàn viên, 51,6% có trình độ trung cấp và đại học. Năm 2000, thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Bộ Chính trị *Về phát triển đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng*,